**6 bước xây dự website :**

1. Xác định yêu cầu website
   1. Các yêu cầu và mục tiêu của website.
   2. Đối tượng khách hàng .
   3. Website thuộc loại nào.
2. Chọn và mua tên miền (thương hiệu)
   1. Dễ nhớ.
   2. Ngắn .
   3. Không nhầm lẫn.
3. Thuê chỗ hosting
   1. Loại hosting và ngôn ngữ xây dựng web
   2. Băng thông và dung lượng
      1. Băng thông là khả năng cho phép bao nhiêu người truy cập đồng thời vào website, quyết định số người truy cập , web load nhanh hay chậm,đường truyền.
   3. Cơ sở dữ liệu
   4. Email server
      1. Liên lạc khách hàng gửi thông tin một cách chính thống.
4. Thiết kế website
   1. Các thành phần của website : trang ,hmtl, css ,hình ảnh ….
   2. Cấu trúc của website.
5. Triển khai website
   1. Upload các nội dung website
   2. Trỏ tên miền về hosting.
6. Duy trì và cập nhật nội dung
   1. Cập nhật nội dung website
   2. Các liên kết trang
   3. Các trang thông tin.

**HTML:**

* Các thể html cơ bản :
  + <b> chỗ được im đậm </b> : Bold ,chỗ được in đậm
  + <i> chỗ được in nghiên</i> : italic
  + <p> đoạn văn </p>: Paragraph
  + <h 1> tiêu đề ở mức 1</h1>: Heading
  + <font FACE=’Arial’ Size=’3’> kiểu font </font> :FONT
* Các thẻ định dạng khối văng bản -Block Element:
  + Tiêu đề (heading): <h1>,<h2>,<h3>,<h4>,<h5>,<h6>
  + Đoạn văn bản (paragraph) :<p>
  + Danh sách (List items): <li>
  + Đường kẻ ngang (Horizontal Rules) <hr> -**không có thẻ đóng**
* Các thẻ định dạng chuỗi văng bản – inline element (có thể nằm bên trong các thẻ khác):
  + Định dạng chữ: <span>,<em>,<i>,<b> và <font>
  + Tạo siêu liên kết :<a>
  + Xuống dòng : <br> -**không có thẻ đóng**

1. Thẻ <hr ….>
   * align: Canh hang đường kẻ ngang so với trang web.
   * width : chiều dài đường kẻ ngang .
   * size : bề rộng của đường kẻ ngang.
   * noshade : không có bóng.
   * <hr noshade size=’5’ align=’center’ width=’40%’></hr>
   * <HR size=’5’ align=’right’ width= ‘80%’></HR>
2. Thẻ <img…> thẻ hình ảnh -**không có thẻ đóng** 
   * src :đường dẫn tới file ảnh
   * alt :chú thích cho hình ảnh
   * border độ dày nét viền quanh ảnh
   * set hình nền cho trang web : <body background=’đường dẫn hình ảnh’>
3. các thẻ danh sách :
   * danh sách có thứ tự : <OL> order list . phần tử bên trong ds là các list item <Li>
   * danh sách không có thứ tự : <UL> .phần tử bên trong ds là các list item <Li>
   * danh sách tự định nghĩa :<DL> .phần tử bên trong ds là các <Di>
   * Danh sách lòng nhau,
   * Dạng khác <menu>,<dir>
4. Thẻ <ol>

Ví dụ trong **C:\CyberSoft-tu-duy-lap-trinh\html\bai2-thuchanhcacthedanhsach.html**

1. thẻ liên kết <a></a>
   * cú pháp: <a href=”url” target=”..”>linked content</a>
   * name :tải trang web vào frame có tên name
   * \_blank: tải trang web vào cửa sổ mới
   * \_parent :tải trang web vào cửa sổ cha của nó
   * \_sel:tải trang web vào chính cửa sổ hiện hành
   * \_top: tải trang web vào cửa sổ cao nhất
     1. **Liên kết ngoại (External-link): <a href=”url”>Text đại diện</a>** khi click vào thì hiên một trang mới .
     2. **Liên kết nội (internal-link): <a name=”tenVitri”>vị trí bát đầu</a> <a href=”#tenVitri”></a> là các liên kết trên cùng một trang**
     3. **Liên két Email : <a href=**[**mailto:emailAddres**](mailto:emailAddres)**>liên hệ qa Email</a>**
   * **Địa chỉ** url phân làm 2 loai:
     1. **Địa chỉ** tuyệt đối: là vị trí tuyệt đối so với Mạng internet
     2. **Địa chỉ tương đối** : là vị trính tương đối so với trang web hiện hành đang chưa liên kết.
2. Thẻ kẻ bảng <table>
   * <tr> khởi tạo một dòng. **Thẻ con của thẻ <table>**
   * <th> khởi tạo một ô tiêu đề. **Thẻ con của thẻ <tr>**
   * <td> khởi tạo một ô . **thẻ con của thẻ <tr>**

Một số thuộc tính của thẻ table

1. Colspan : giãn cột chô ô
2. Rowspan: giãn dòng cho ô
3. Background: thiết lập ảnh nền cho bảng ,ô
4. Bgcolor : thiết lập màu nền cho bảng, ô
5. Align: (left,right,center,justify) gióng hàng ngang chữ trong ô
6. Valign:(top,middle,bottom,baseline) gióng hàng dọc chữ trong ô
7. Cellpadding: quy định khoảng cách từ biên của ô đến nội dung
8. Cellspacing: quy định khoảng cách giữa các ô với nhau

**C:\CyberSoft-tu-duy-lap-trinh\html\bai4-thuchanhtheotaobang.html**

1. **Thẻ div(division)**

Ưu điểm nhẹ hơn table

Là cho web nhanh hơn.

1. **Thẻ Form** 
   * Cú pháp <form **name**=”” **action**=”” **method**=””></form>
     1. **name :** tên form
     2. **action:** chỉ định trang web nhận xử lý dữ liệu từ form này khi có sự kiện click của button SUBMIT.
     3. **method:** xác định phương thức chuyển dữ liệu(POST,GET)

**các thành phần của form:**

* + - 1. Textview

<input

Type=”text”

Name=string :tên

Readonly :chỉ đọc

Size= variant :kích thước của textview

Maxlength=long : độ dài chỉ nhập

Tabindex= interger khi ta bấm tab ,mún nó di chuyển đến textview nào khác

Value= string

Placeholder=”text ” :giữ chỗ ,mô tả cho field

>

Cú pháp: <input type=”text” name=”txtName” value=”this is one line text with 301” size=”20” maxlength=”30”>

* + - 1. Password Field

Cú pháp :

<input

Type=”password”

Name=String

Readonly : chỉ đọc

Size= variant :kích thức đoạn password field

Maxlength : long độ dài tối đa của field

Tabindex= integer

Value=String :giá trị

>

**C:\CyberSoft-tu-duy-lap-trinh\html\bai7-thuchanhvoiFormHtml-1.html**

* + - 1. Hidden field

Cú pháp:

<input

Type=”hidden”

Name= String

Readonly : chỉ đọc

Size = variant kích cỡ

Maxlength =integer

Value= String

,>

* + - 1. Check box:

Cú pháp:

<input

Type=”checkbox”

Name=”text”

Value=”text”

checked

>

--chọn được nhìu cái

5. radiobutton field

Cú pháp: <input type=”radio” name =”text” value=”text” checked>

* + - Nếu tạo 2 radiobutton có cùng tên thì chỉ chọn đc 1 trong 2.
    - Nếu tạo 2 radiobutton khác tên thì chọn đc cả 2 .
      1. File upload control: upload file lên server

Cú pháp:

<form action=”..” method=”post” enctype=”multipart/form-data”>

<input type=”file” name=””>

</form>

* + - 1. Submit Button:mỗi form chỉ có một nút submit

<input Type="submit" name="btnSend" value="Send"></input>

* + - 1. Reset button: dùng để trải lại giá trị mặc định co các control khác trong form

<input type="reset" name="btnReset" value="reset"></input>

* + - 1. Button :

<input type="button" name="btnBT" value="Press Here!" onclick="alert('hello from javaScript');"></input> .

* + - 1. Multiline TextField

Cú pháp:

<textarea

Cols= long

Rows=long

Disabled

Name=String

Readonly

Tabindex =integer

Wrap= off |physical|virtual>

</textarea>

* + - 1. Combobox-

C:\CyberSoft-tu-duy-lap-trinh\html\bai7-thuchanhvoiFormHtml\bai7-thuchanhvoiFormHtml-5-Combobox.html

* + - 1. Phương thức get, post trong form

Show tất cả các đối số khi submit

Liên quan đến bảo mật ko bên dùng phưogn thức get

Phương thức get phụ thuộc vào URL

Phương thức post :

Truyền ngầm

Không giới hạn bởi URL

Chỉ dùng phương thức post khi action chỉ định đến trang web có mã lệnh xử lý trên server